

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 15 tháng 8 năm 2019

V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA-TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Lệ Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phùng Văn Tân**;

2. Bà **Nguyễn Thị Bích Hà**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoài Linh** - Cán bộ TAND huyện Thanh Ba.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Hà** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **62/2019/QĐXXST-HNGĐ**, ngày 05 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị H** - sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Khu 9 thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh **Văn Tiến D** - sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Khu 9 thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam chi nhánh Thanh Ba do ông **Nguyễn Mạnh H** - Trưởng phòng KHKD đại diện theo ủy quyền.

Địa chỉ: Khu 9 thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

2. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam phòng giao dịch Thanh Ba do ông **Dương Anh T** - giám đốc đại diện theo ủy quyền

Địa chỉ: Khu 4 thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Ông H, ông T có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị **Đỗ Thị H** trình bày:**

Chị và anh **Văn Tiến D** kết hôn với nhau ngày 04/02/2009, đăng ký tại UBND thị trấn Thanh Ba, do hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống tại nhà bố mẹ anh **D** tại khu 9 thị trấn T. Tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc thời gian đầu sau thỉnh thoảng mâu thuẫn do lối sống sinh hoạt.

Khoảng năm năm sau vợ chồng chị làm nhà ra ở riêng trên đất của bố mẹ đẻ chị tại Khu 5 xã Đ. Vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn lớn từ năm 2016 do anh D rượu say nhốt chị trong nhà định đốt nhưng không thành, từ đó vợ chồng chị sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Vợ chồng chị có một con chung là Văn Thị Tuyết N sinh ngày 14/5/2010. Hiện nay cháu đang sống cùng anh D. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị nuôi cháu N, việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh D phải đóng góp.

Vợ chồng chị có tài sản chung đã được định giá vào ngày 17/5/2019 gồm: một ngôi nhà xây làm trên đất của bố mẹ chị ở khu 5 xã Đ trị giá 113.000.000đ; Một thửa đất diện tích 162,7m² ở khu 9 thị trấn T trị giá 330.000.000đ (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP703880 mang tên hai vợ chồng). Vợ chồng còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – phòng giao dịch Thanh Ba 22.000.000đ tiền gốc, nợ Ngân hàng nông nghiệp và PTNT chi nhánh Thanh Ba 40.000.000đ tiền gốc (tính đến 15/7/2019). Khi ly hôn chị đề nghị được sở hữu ngôi nhà, trả nợ ngân hàng chính sách, anh D sở hữu thửa đất và trả nợ ngân hàng nông nghiệp, không bên nào phải thanh toán chênh lệch tài sản cho bên kia. Về đất nông nghiệp và công sức làm dâu ở rể của vợ chồng không có nên chị không đề nghị giải quyết.

*** Bị đơn anh Văn Tiến D trình bày:**

Anh thừa nhận lời trình bày của chị H về thời gian kết hôn, thời gian ly thân, con chung, công nợ, đất ruộng, công sức là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do ý ản ý ở, anh không nhốt và định đốt chị H. Nay tình cảm đã hết anh đồng ý ly hôn chị H. Khi ly hôn anh tôn trọng nguyện vọng của cháu N. Tại phiên tòa anh xin nuôi cháu N và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Về tài sản tại các buổi hòa giải ngày 02/4/2019 anh thừa nhận thửa đất tại khu 9 thị trấn T là tài sản chung vợ chồng, tại buổi hòa giải ngày 11/6/2019 và tại phiên tòa anh không nhất trí là tài sản chung mà cho rằng đó là tài sản riêng của anh do anh được tặng cho riêng. Khi ly hôn anh đề nghị chia đôi ngôi nhà và công nợ.

Về công sức, đất nông nghiệp vợ chồng anh không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Dương Anh T trình bày: Ngày 17/7/2014 Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - phòng giao dịch Thanh Ba có cho hộ anh Văn Tiến D, chị Đỗ Thị H vay 22.000.000đ theo chương trình cho vay hộ nghèo, thời hạn vay 60 tháng. Hiện nay vợ chồng anh D, chị H có nợ tại ngân hàng 22.000.000đ tiền gốc và tiền lãi đã trả hết tháng 6/2019. Nếu anh D, chị H ly hôn đề nghị phân chia người trả nợ cho ngân hàng gồm tiền gốc và lãi theo hợp đồng.

- Ông Nguyễn Mạnh H trình bày: Ngày 06/6/2018 Ngân hàng nông nghiệp và PTNT chi nhánh Thanh Ba có cho hộ anh Văn Tiến D, chị Đỗ Thị H vay 60.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 2711-LAV-201802225. Dư nợ đến 15/7/2019 là 40.000.000đ tiền gốc, tiền lãi đã trả hết 30/6/2019. Nếu anh D, chị H ly hôn đề nghị phân chia người trả nợ cho ngân hàng gồm tiền gốc và lãi theo hợp đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba có quan điểm: Việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử từ khi nhận đơn, thụ lý, thông báo hòa giải, đưa vụ án ra xét xử hoàn toàn đúng pháp luật. Quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Đề nghị HĐXX :Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H, anh D. Giao cho anh D nuôi con chung, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Chấp nhận đề nghị của chị H về chia tài sản và công nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba sau khi nhận được đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị H đã tiến hành báo gọi các bên đương sự đến trình bày lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Tại các buổi hòa giải do các bên đương sự không thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Đỗ Thị H và anh Văn Tiến D là hôn nhân hợp pháp, được đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ theo quy định của pháp luật. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc theo chị H là đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn lớn do anh D có lần say rượu đã nhốt chị trong nhà định đốt nhưng không thành, từ đó vợ chồng sống ly thân. Phía anh D khai mâu thuẫn vợ chồng là do do ý ă ă ý ở, anh không thừa nhận đã nhốt và định đốt chị H. Cả chị H và anh D đều thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân. Lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay chị H và anh D nhất trí thuận tình ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn. Từ những nhận định nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định rằng: Mâu thuẫn giữa chị H và anh D đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu thuận tình ly hôn của chị H và anh D là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Con chung: Chị H và anh D có có một con chung là Văn Thị Tuyết N sinh ngày 14/5/2010. Hiện nay cháu đang sống cùng anh D. Khi ly hôn chị H và anh D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng một con chung và H và anh D không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu xin trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị H, anh D là hoàn toàn chính đáng, đúng pháp luật. Chị H và anh D đủ điều kiện về sức khỏe, kinh tế để nuôi con. Từ khi anh chị ly thân, cháu sống cùng anh D. Bản thân cháu N có nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn cháu tiếp tục sống cùng anh D. Vì thế để tránh sáo trộn cuộc sống của cháu, HĐXX chấp nhận đề nghị của anh D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Do anh D không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4]. Về công tài sản chung, nợ chung: Tại buổi hòa giải ngày 02/4/2019 chị H, anh D đều thừa nhận vợ chồng có tài sản chung đã được định giá vào ngày 17/5/2019 gồm: một ngôi nhà xây làm trên đất của bố mẹ chị ở khu 5 xã Đ trị giá 113.000.000đ; Một thửa đất diện tích 162,7m² ở khu 9 thị trấn T trị giá 330.000.000đ (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP703880 ngày

28/11/2013 mang tên hai vợ chồng). Vợ chồng còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – phòng giao dịch Thanh Ba 22.000.000đ tiền gốc, nợ Ngân hàng nông nghiệp và PTNT chi nhánh Thanh Ba 60.000.000đ tiền gốc đến ngày 15/7/2019 còn nợ là 40.000.000đ. Khi ly hôn chị H đề nghị chị được sở hữu ngôi nhà, trả nợ ngân hàng chính sách; anh D sở hữu thửa đất và trả nợ ngân hàng nông nghiệp; không bên nào phải thanh toán chênh lệch tài sản cho bên kia. Tại buổi hòa giải ngày 11/6/2019 và tại phiên tòa hôm nay anh D không nhất trí thừa đất diện tích 162,7m² ở khu 9 thị trấn T là tài sản chung mà cho rằng đó là tài sản riêng của anh do anh được tặng cho riêng. Khi ly hôn anh đề nghị chia đôi ngôi nhà và công nợ. Phía chị H cung cấp cho Tòa án bản sao hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất đã thể hiện rõ anh D, chị H được bố mẹ anh D là ông Văn Ký N, bà Vũ Thị C tặng cho. Tại Đ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần người đề nghị là anh Văn Tiến D, chị Đỗ Thị H. Vì thế, ngày 28/11/2013 UBND huyện Thanh Ba đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP703880 mang tên anh Văn Tiến D, chị Đỗ Thị H. Sau khi được cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2013 đến trước khi chị H làm đơn xin ly hôn, anh D không hề có ý kiến gì đối với việc chị H cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP703880. Điều đó chứng tỏ thửa đất này anh D đã chấp nhận thửa đất này là tài sản chung của vợ chồng. Vì thế HĐXX chấp nhận lời trình bày về tài sản chung của chị H. Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị khi anh D, chị H ly hôn HĐXX phân chia rõ người phải trả nợ cho ngân hàng. Khi ly hôn, tài sản theo nguyên tắc chia đôi nhưng có tính đến công sức, nguồn gốc tài sản. Xét đề nghị của chị H về chia tài sản và trả nợ là phù hợp cần chấp nhận.

[5]. Về công sức đóng góp cho hai bên gia đình và đất nông nghiệp: Chị Đỗ Thị H và anh Văn Tiến D đều khẳng định không có nên HĐXX không đặt ra giải quyết là phù hợp.

[6]. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Đỗ Thị H và anh Văn Tiến D phải chịu án phí chia tài sản đối với phần tài sản được hưởng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, 59, 60, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a,b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị H và anh Văn Tiến D.

Về con chung: Xử Giao cho anh Văn Tiến D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Văn Thị Tuyết N sinh ngày 14/5/2010. Chị Đỗ Thị H không phải cấp dưỡng nuôi chung cùng anh D.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ chung: Xử:

Giao cho chị Đỗ Thị H được sở hữu một ngôi nhà xây cấp bốn mái lợp bloximang diện tích xây dựng 73,5m², một sân lợp tôn diện tích 25m² làm trên đất của bố mẹ chị H (Bà Đinh Thị T) ở khu 5 xã Đ trị giá 113.000.000đ (*một trăm mười ba triệu đồng*). Chị H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - phòng giao dịch Thanh Ba 22.000.000đ (*hai mươi hai triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng.

Giao cho anh D được sở hữu và sử dụng thửa đất số 35 tờ bản đồ số 30 diện tích 162,7m² tại khu 9 thị trấn T trị giá 330.000.000đ (*ba trăm ba mươi triệu đồng*) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP703880 ngày 28/11/2013 mang tên Văn Tiến D, Đỗ Thị H. Anh D có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và PTNT chi nhánh Thanh Ba 40.000.000đ (*sáu mươi triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng.

Anh Văn Tiến D không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Đỗ Thị H.

Tiếp tục duy trì phê duyệt vay vốn ngày 17/7/2014 của Ngân hàng Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - phòng giao dịch Thanh Ba cho đến khi anh D trả hết nợ cho ngân hàng.

Tiếp tục duy trì hợp đồng tín dụng số 2711-LAV-201802225 ngày 06/6/2018 của Ngân hàng nông nghiệp và PTNT chi nhánh Thanh Ba cho đến khi anh D trả hết nợ cho ngân hàng.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về công sức đóng góp và đất nông nghiệp: Xác nhận chị Đỗ Thị H và anh Văn Tiến D đều thừa nhận không có.

Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 5.650.000đ (*năm triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí chia tài sản. Anh Văn Tiến D phải chịu 16.500.000đ (*mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí chia tài sản. Xác nhận chị Đỗ Thị H đã nộp 300.000.đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba theo biên lai thu số AA/2016/0001611 ngày 13/3/2019.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh, huyện
- THADS huyện
- UBND TT T
- Các đương sự
- Lưu HS,VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Thanh